

AAT SERVICES CO., LTD.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRƯỜNG SƠN
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

kèm theo

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT
AUDITING, ACCOUNTING AND TAX ADVISORY SERVICES COMPANY LIMITED
Add: P.2407 Nhà 34T - Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 84.4.2.2210082/84.4.2.2410949/84.4.2.2413585 - Fax: 84.4.2.2210084
Email: info@aat.com.vn - Website: <http://www.aat.com.vn>

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	3 – 4
Báo cáo Kiểm toán	05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	6 – 22
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 22

18/02/2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Năm 2010

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Trường Sơn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Trường Sơn (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) là một Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp Giấy phép hoạt động theo Quyết định số 101/UBCK-GP ngày 11 tháng 12 năm 2008.

Vốn điều lệ : 41.000.000.000 VND (Bốn mươi một tỷ đồng).

Vốn pháp định : 35.000.000.000 VND (Ba mươi lăm tỷ đồng).

Hoạt động của Công ty theo Giấy phép thành lập:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

Trụ sở chính: Tầng 4, toà nhà Nhất Lộc Phát, số 168 Phố Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Hoàng Minh Sơn	Chủ tịch	12/12/2008
Ông Đào Hoàng Tuấn	Ủy viên	12/12/2008
Ông Đỗ Hoàng Thiệu	Ủy viên	12/12/2008
Ông Hoàng Minh Trường	Ủy viên	12/12/2008

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Hồ Hoài Nam	Tổng Giám đốc	06/08/2010	
Ông Phạm Ngọc Thắng	Tổng Giám đốc		19/05/2010
Ông Nguyễn Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc	14/07/2009	

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính năm 2010 đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính của mình phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Để đảm bảo được tính trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc của Công ty đảm bảo:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Trường Sơn phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch



Hoàng Minh Sơn

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Hồ Hoài Nam

Số : 21/2011/BCKT-TC/AAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của
Công ty Cổ phần Chứng khoán Trường Sơn

Kính gửi : **Hội đồng quản trị**
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Trường Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 25/01/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban lãnh đạo Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trường Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định kế toán có liên quan.

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2011

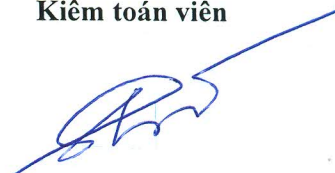
**Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán,
Kế toán và Tư vấn Thuế AAT**



Trần Thị Yến Ngọc

Chứng chỉ KTV số: 0926/KTV

Kiểm toán viên



Nguyễn Hải Yến

Chứng chỉ KTV số: 0944/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		95.077.691.153	43.456.571.670
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		14.070.892.651	26.205.041.873
111	1. Tiền	01	13.270.892.651	7.205.041.873
112	2. Các khoản tương đương tiền		800.000.000	19.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	04	61.251.983.116	6.368.964.106
121	1. Đầu tư ngắn hạn		61.251.983.116	6.368.964.106
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	11	19.029.634.087	10.499.319.519
131	1. Phải thu khách hàng		3.888.640.325	9.615.170.431
132	2. Trả trước cho người bán		11.973.628.000	323.468.000
134	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	-
135	5. Các khoản phải thu khác		3.379.793.362	773.108.688
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(212.427.600)	(212.427.600)
140	IV. Hàng tồn kho	02	-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		725.181.299	383.246.172
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		373.159.127	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		339.172.172	339.172.172
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		12.850.000	44.074.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		14.885.737.094	12.717.033.796
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	11	-	-
220	II. Tài sản cố định		10.328.948.910	7.458.592.785
221	1. Tài sản cố định hữu hình	05	7.135.522.937	4.879.841.139
222	- Nguyên giá		9.626.378.368	6.467.055.588
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.490.855.431)	(1.587.214.449)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	06	3.193.425.973	2.412.440.646
228	- Nguyên giá		3.902.182.996	2.737.182.996
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(708.757.023)	(324.742.350)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	166.311.000
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.556.788.184	5.258.441.011
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	07	3.510.432.966	4.765.892.621
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	09	-	-
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	10	401.302.145	120.000.000
268	4. Tài sản dài hạn khác		645.053.073	372.548.390
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		109.963.428.247	56.173.605.466

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		81.306.707.741	28.285.101.197
310	I. Nợ ngắn hạn		48.056.707.741	28.285.101.197
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	-
312	2. Phải trả người bán		4.588.500	170.899.500
313	3. Người mua trả tiền trước		-	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	08	89.359.498	19.884.808
315	5. Phải trả người lao động		3.747.316	-
316	6. Chi phí phải trả	12	-	251.912.199
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
320	8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		11.997.312.758	5.803.319.071
321	9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi cổ phiếu		31.345	-
322	10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		-	-
328	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	35.961.668.324	22.039.085.619
329	12. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	II. Nợ dài hạn		33.250.000.000	-
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ	14	-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		33.250.000.000	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	15	-	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	09	-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
339	8. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		28.656.720.506	27.888.504.269
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	28.656.720.506	27.888.504.269
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		41.000.000.000	41.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(12.343.279.494)	(13.111.495.731)
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		109.963.428.247	56.173.605.466

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT	31/12/2010	01/01/2010
001 1	Tài sản cố định thuê ngoài		
002 2	Vật tư, chứng chỉ nhận giữ hộ		
003 3	Tài sản nhận ký cược		
004 4	Nợ khó đòi đã xử lý		
005 5	Ngoại tệ các loại (USD)		13.330
006 6	Chứng khoán lưu ký	68.463.350.000	9.308.180.000
	<i>Trong đó:</i>		
007 6.1	Chứng khoán giao dịch	68.463.350.000	9.308.180.000
008 6.1.1	Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		
009 6.1.2	Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	68.463.350.000	9.308.180.000
010 6.1.3	Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		
011 6.1.4	Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác		
012 6.2	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	-	-
017 6.3	Chứng khoán cầm cố	-	-
022 6.4	Chứng khoán tạm giữ		
027 6.5	Chứng khoán chờ thanh toán	-	-
032 6.6	Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
037 6.7	Chứng khoán chờ giao dịch	-	-
042 6.8	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo các khoản vay	-	-
050 7	Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	-	-
	<i>Trong đó:</i>		
051 7.1	Chứng khoán giao dịch	-	-
056 7.2	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	-	-
061 7.3	Chứng khoán cầm cố	-	-
066 7.4	Chứng khoán tạm giữ	-	-
071 7.5	Chứng khoán chờ thanh toán	-	-
076 7.6	Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
081 7.7	Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-
082 8	Chứng khoán lưu ký của khách hàng		
083 9	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		
084 10	Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá		

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

phan

Dương Thị Thanh Nhân

Kế toán trưởng

anh

Hoàng Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



hoai nam

Hồ Hoài Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2010	2009
01	1. Doanh thu	17	21.994.758.041	12.422.974.695
	Trong đó		-	-
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		5.150.082.899	4.527.015.509
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		2.380.934.155	5.729.912.626
01.3	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	-
01.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	-
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		-	-
01.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán		-	-
01.7	- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư		-	-
01.8	- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		-	-
01.9	- Doanh thu khác		14.463.740.987	2.166.046.560
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	9.432.851	63.840.338
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	19	21.985.325.190	12.359.134.357
11	4. Chi phí kinh doanh	20	10.909.788.076	15.555.010.064
20	5. Lợi nhuận gộp về hoạt động kinh doanh		11.075.537.114	(3.195.875.707)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		10.315.065.607	9.621.080.309
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		760.471.507	(12.816.956.016)
31	8. Thu nhập khác		7.744.730	66.886.245
32	9. Chi phí khác		-	77.836.117
40	10. Lợi nhuận khác		7.744.730	(10.949.872)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		768.216.237	(12.827.905.888)
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	-	-
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>768.216.237</u>	<u>(12.827.905.888)</u>

Người lập biểu

nhàn

Dương Thi Thanh Nhàn

Kế toán trưởng

Thi Lan Anh

Hoàng Thi Lan Anh

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011



Tổng Giám đốc

Hồ Hoài Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2010	2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh		5.171.803.991	1.804.676.750
02	2. Tiền chi hoạt động kinh doanh		(5.687.243.868)	(545.603.220)
05	3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		(266.524.249)	
06	4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng		593.144.158.897	342.128.856.000
07	5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng		(624.673.514.798)	(431.314.163.000)
08	6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành		-	
09	7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán		-	
10	8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(18.838.168.133)	(3.184.095.745)
11	9. Tiền chi trả cho người lao động		(4.608.532.765)	(2.527.881.290)
12	10. Tiền chi trả lãi vay		-	
13	11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(391.342.946)
14	12. Tiền thu khác		1.252.377.964.168	158.020.780.515
15	13. Tiền chi khác		(1.216.715.227.168)	(149.716.572.092)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(20.095.283.925)	(85.725.345.028)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.422.279.080)	(1.979.400.594)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(234.945.891.021)	(321.537.027.177)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		232.725.762.258	310.349.476.349
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(990.495.541.929)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.097.806.249.555
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.595.797.816	
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		7.953.389.973	94.143.756.204
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại		-	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(12.141.893.952)	8.418.411.176
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		26.205.041.873	17.759.997.357
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		7.744.730	26.633.340
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		14.070.892.651	26.205.041.873

Người lập biểu

nhàn

Dương Thị Thanh Nhàn

Kế toán trưởng

hnh

Hoàng Thị Lan Anh

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Tổng Giám đốc



Hồng
Hồng Hoài Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Trường Sơn (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) là một Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp Giấy phép hoạt động theo Quyết định số 101/UBCK-GP ngày 11 tháng 12 năm 2008.

Vốn điều lệ : 41.000.000.000 VND (Bốn mươi một tỷ đồng).

Vốn pháp định : 35.000.000.000 VND (Ba mươi lăm tỷ đồng).

Trụ sở chính: Tầng 4, toà nhà Nhất Lộc Phát, số 168 Phố Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty theo Giấy phép thành lập:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

II. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, thông tư số 95/2008/TT-BTC, thông tư số 162/2010/TT-BTC sửa đổi bổ sung thông tư số 95/2008/TT-BTC, các hướng dẫn sửa đổi bổ sung và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã được ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được

quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của Công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

01 . Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<i>Tiền</i>	<i>13.270.892.651</i>	<i>7.205.041.873</i>
Tiền mặt tại quỹ	716.190.658	414.258.818
Tiền gửi ngân hàng	604.110.953	1.061.856.901
Tiền đang chuyển		
Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán	11.950.591.040	5.728.926.154
Tiền gửi về bán chứng khoán phát hành		
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán		
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>800.000.000</i>	<i>19.000.000.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	800.000.000	19.000.000.000
Cộng	14.070.892.651	26.205.041.873

(*) Chi tiết tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngày 31/12/2010

	31/12/2010 VND	Kỳ hạn
- Ngân hàng Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	800.000.000	1 tháng
Cộng	800.000.000	

02 . Hàng tồn kho

03 . Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng	Giá trị khối lượng giao dịch chứng
a) Của Công ty Chứng khoán	-	-
- Cổ phiếu		
- Trái phiếu		
- Chứng chỉ quỹ	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
b) Của người đầu tư	94.580.480	2.729.768.955.000
- Cổ phiếu	94.259.150	2.726.843.706.000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	321.330	2.925.249.000
Tổng cộng	94.580.480	2.729.768.955.000

04 . Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chứng khoán thương mại		
Đầu tư góp vốn		
Đầu tư ngắn hạn khác	61.251.983.116	6.368.964.106
- <i>Cầm cố chứng khoán cho Nhà đầu tư</i>	<i>3.889.000.000</i>	<i>142.000.000</i>
- <i>Cho vay hỗ trợ Nhà đầu tư</i>	<i>57.362.983.116</i>	<i>6.226.964.106</i>
Cộng	61.251.983.116	6.368.964.106

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

05. Tài sản cố định

a) Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm		6.467.055.588			6.467.055.588
2. Số tăng trong năm		1.554.556.866	651.361.000	953.404.914	3.159.322.780
- Mua sắm mới		1.554.556.866	651.361.000	953.404.914	3.159.322.780
- Tặng khác					-
3. Số giảm trong năm		-			-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
4. Số dư cuối năm		8.021.612.454	651.361.000	953.404.914	9.626.378.368
II. Giá trị HM lũy kế					
1. Số dư đầu năm		1.587.214.449			1.587.214.449
2. Số tăng trong năm		862.629.366	41.011.616	-	903.640.982
- Trích khấu hao		862.629.366	41.011.616		903.640.982
- Tặng khác					-
3. Số giảm trong năm		-			-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
4. Số dư cuối năm		2.449.843.815	41.011.616	-	2.490.855.431
III. Giá trị còn lại					
1. Đầu năm		4.879.841.139			4.879.841.139
2. Cuối năm		5.571.768.639	610.349.384	953.404.914	7.135.522.937

06. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm		2.737.182.996	2.737.182.996
2. Số tăng trong năm		1.165.000.000	1.165.000.000
- Mua sắm mới		993.910.000	993.910.000
- Tặng khác		171.090.000	171.090.000
3. Số giảm trong năm		-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-
- Giảm khác		-	-
4. Số dư cuối năm		3.902.182.996	3.902.182.996
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm		324.742.350	324.742.350
2. Số tăng trong năm		384.014.673	384.014.673
- Trích khấu hao		384.014.673	384.014.673
- Tặng khác		-	-
3. Số giảm trong năm		-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-
- Giảm khác		-	-
4. Số dư cuối năm		708.757.023	708.757.023
III. Giá trị còn lại			
1. Đầu năm		2.412.440.646	2.412.440.646
2. Cuối năm		3.193.425.973	3.193.425.973

III . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

07 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí trước hoạt động	3.144.463.685	4.237.431.427
Thiết bị, máy móc, dụng cụ văn phòng	356.615.281	511.489.765
Chi phí cải tạo văn phòng	9.354.000	16.971.429
	<u>3.510.432.966</u>	<u>4.765.892.621</u>

08 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	113.818	155.179
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	89.245.680	18.756.429
Các loại thuế khác	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	873.200
Cộng	<u>89.359.498</u>	<u>19.784.808</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

09 . Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

10 . Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung	266.524.249	-
- Tiền lãi phân bổ trong năm	14.777.896	-
Cộng	<u>401.302.145</u>	<u>120.000.000</u>

11. Các khoản phải thu

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
A	1		2	3	4	5		6	7
1. Phải thu của khách hàng	9.615.170.431			924.198.656.330	929.925.186.436	3.888.640.325			
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán									
- Phải thu của Sở (Trung tâm) GDCK									
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán									
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán									
- Phải thu trung tâm lưu ký chứng khoán									
- Phải thu thành viên khác									
3. Thuế GTGT được khấu trừ									
4. Phải thu nội bộ									
5. Phải thu khác	773.108.688			31.634.514.340	29.027.829.666	3.379.793.362			
Tổng cộng	10.388.279.119			955.833.170.670	958.953.016.102	7.268.433.687			

III . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

12 . Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí thuê ngoài(điện, nước, bảo vệ...)	-	68.300.599
Trích trước chi phí kiểm toán	-	44.000.000
Chi phí phải trả khác	-	139.611.600
Cộng	-	251.912.199

13 . Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	27.000.000
Kinh phí công đoàn	11.707.740	6.101.468
Bảo hiểm xã hội	-	27.604.600
Bảo hiểm y tế	-	4.140.690
Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.760.460
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	35.949.960.584	21.971.478.401
Cộng	35.961.668.324	22.039.085.619

(*) Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
<i>Nhận môi giới trái phiếu chính phủ của Nhà Đầu tư</i>	<i>35.889.000.000</i>	<i>20.825.200.000</i>
- Bùi Minh Hải		6.541.500.000
- Phạm Tuấn Anh		7.411.050.000
- Vay cầm cố ký quỹ của Nhà đầu tư tại các ngân hàng	35.889.000.000	
+ Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long	9.000.000.000	
+ Ngân hàng Liên Việt - CN Thăng Long	3.889.000.000	
+ Ngân hàng Việt Nam Tín Nghĩa - PGD Bạch Mai	23.000.000.000	
- Nguyễn Văn Tuấn		6.730.650.000
- Nguyễn Thị Thu Hà		142.000.000
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>60.960.584</i>	<i>1.146.278.401</i>
Cộng	35.949.960.584	21.971.478.401

14 . Phải trả dài hạn nội bộ

15 . Vay dài hạn

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

16. Vốn chủ sở hữu

a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguồn vốn kinh doanh	41.000.000.000	-	-	41.000.000.000
1. Vốn góp ban đầu	41.000.000.000	-	-	41.000.000.000
2. Vốn bổ sung	-	-	-	-
- Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
- Bổ sung từ lời nhuận	-	-	-	-
- Bổ sung từ nguồn khác	-	-	-	-
3. Chứng khoán ngân quỹ t	-	-	-	-
- Chứng khoán ngân quỹ	-	-	-	-
- Dự phòng CK ngân quỹ	-	-	-	-
II. Các quỹ và lợi nhuận	(13.111.495.731)	768.216.237	-	(12.343.279.494)
1. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
2. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
- Dự trữ pháp định	-	-	-	-
- Dự trữ theo điều lệ công t	-	-	-	-
- Dự trữ bất thường	-	-	-	-
- Dự trữ khác	-	-	-	-
3. Quỹ dự phòng TCMVL	-	-	-	-
4. Lợi nhuận chưa phân ph	(13.111.495.731)	768.216.237	-	(12.343.279.494)
5. Quỹ khen thưởng, phúc l	-	-	-	-
Tổng cộng	27.888.504.269	768.216.237	-	28.656.720.506

b) Chi tiết vốn góp của các cổ đông như sau

	Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Số tiền đã góp đến 31/12/2010
Cổ đông sáng lập	2.009.000	20.090.000.000	20.090.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam	1.025.000	10.250.000.000	10.250.000.000
Ngân hàng TNCP Việt Á	205.000	2.050.000.000	2.050.000.000
Ông Hoàng Minh Trường	369.000	3.690.000.000	5.740.000.000
Ông Phạm Ngọc Thắng (*)	205.000	2.050.000.000	2.050.000.000
Ông Đào Hoàng Tuấn	205.000	2.050.000.000	2.050.000.000
Các cổ đông phổ thông	2.091.000	20.910.000.000	20.910.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam	-	-	3.690.000.000
Các cổ đông khác	2.091.000	20.910.000.000	17.220.000.000
Cộng	4.100.000	41.000.000.000	41.000.000.000

(*) Ghi chú: Ông Phạm Ngọc Thắng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho ông Hoàng Minh Trường theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 18/05/2010 giữa ông Phạm Ngọc Thắng và Hoàng Minh Trường. Số cổ phần chuyển nhượng: 205.000 cổ phần.

17. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

	2010 VND	2009 VND
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	5.150.082.899	4.527.015.509
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	2.380.934.155	5.729.912.626
Doanh thu khác	14.463.740.987	2.166.046.560
Cộng	21.994.758.041	12.422.974.695

III THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

	2010	2009
	VND	VND
Hoàn phí giao dịch	9.432.851	63.840.338
Cộng	9.432.851	63.840.338

19 . Doanh thu thuần

	2010	2009
	VND	VND
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh chứng khoán	21.985.325.190	12.359.134.357
Cộng	21.985.325.190	12.359.134.357

20 . Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	2010	2009
	VND	VND
Chi phí môi giới chứng khoán cho người đầu tư	892.380.011	1.053.078.343
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		12.198.775.157
Chi phí khác	8.608.615.301	1.193.999.894
- Chi phí lãi vay của hoạt động cầm cố trái phiếu chính phủ	4.899.180.080	
- Chi phí khác	3.709.435.221	1.193.999.894
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.408.792.764	1.109.156.670
- Chi phí nhân viên	1.357.616.764	1.011.067.438
- Chi phí vật liệu, công cụ lao động		6.203.120
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		90.912.237
- Chi phí khác bằng tiền	51.176.000	973.875
Cộng	10.909.788.076	15.555.010.064

21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

	2010	2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	768.216.237	(12.827.905.888)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	106.110.000
- Các khoản điều chỉnh giảm		283.589.843
- Chuyển lỗ	768.216.237	
Tổng lợi nhuận tính thuế	-	(13.005.385.731)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

22 . Những thông tin bổ sung các khoản mục trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	11.950.591.040	5.728.926.154
Các khoản khác	-	-
	11.950.591.040	5.728.926.154

III . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

23 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trường Sơn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Phân loại lại số dư đầu kỳ cho phù hợp với số liệu so sánh năm nay

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu đính kèm báo cáo kiểm toán	Số liệu phân loại lại
		Năm 2009	Năm 2009
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(325.537.027.177)	(321.537.027.177)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	90.143.756.204	94.143.756.204
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.418.411.176	8.418.411.176
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.759.997.357	17.759.997.357
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	7.205.041.873	26.205.041.873

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Dương Thị Thanh Nhân

Kế toán trưởng

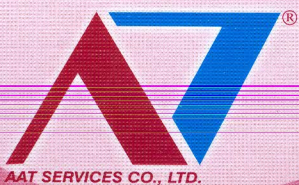
Hoàng Thị Lan Anh



Tổng Giám đốc

Hồ Hoài Nam





AAT SERVICES CO., LTD.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT
AUDITING, ACCOUNTING AND TAX ADVISORY SERVICES COMPANY LIMITED

ADD: P.2-67 Nhà 34T - Khu đô thị mới Trung Hoà - Nhân Chính, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 84.4.2210082/84.4.2410949/84.4.2413585 - Fax: 84.4.2210084
Email: info@aat.com.vn - Website: <http://www.aat.com.vn>